

## HƯỚNG DẪN

### Về việc thực hiện xác định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật

*Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/02/2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật;*

*Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1011/HD-ĐHQGHN ngày 23/03/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung và xác định chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Công văn số 4162/ĐHQGHN-ĐT ngày 03/11/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc đồng ý định dạng bài thi và giao tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp.*

Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật (KHLN&NT), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) hướng dẫn về việc công nhận chuẩn đầu ra (CĐR) ngoại ngữ, miễn học ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ đối với sinh viên thuộc các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học như sau:

### 1. XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

#### 1.1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các chương trình đào tạo trình độ đại học

Minh chứng CĐR ngoại ngữ các CTĐT trình độ đại học được xác định bằng một trong các loại sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ ngoại ngữ tương ứng với yêu cầu về CĐR ngoại ngữ của các CTĐT theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) cấp bởi các cơ sở

giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (*xem chi tiết tại Phụ lục 2*):

| TT | Chương trình đào tạo                   | Chứng chỉ ngoại ngữ để xét công nhận CĐR (*) |            |             |           |            |           |
|----|----------------------------------------|----------------------------------------------|------------|-------------|-----------|------------|-----------|
|    |                                        | Tiếng Anh                                    | Tiếng Pháp | Tiếng Trung | Tiếng Đức | Tiếng Nhật | Tiếng Hàn |
| 1  | Quản trị thương hiệu                   | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       |           |            |           |
| 2  | Quản trị tài nguyên di sản             | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       |           |            |           |
| 3  | Quản lý giải trí và sự kiện            | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       |           |            |           |
| 4  | Quản trị đô thị thông minh và bền vững | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       |           |            |           |
| 5  | Nghệ thuật thị giác                    | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       |           |            |           |
| 6  | Thiết kế sáng tạo                      | Bậc 3                                        | Bậc 3      | Bậc 3       | Bậc 3     | Bậc 3      | Bậc 3     |
| 7  | Kiến trúc và thiết kế cảnh quan        | Bậc 4                                        | Bậc 4      | Bậc 4       |           |            |           |
| 8  | Công nghệ truyền thông                 | Bậc 4                                        |            |             |           |            |           |

(\*) Bậc điểm số nêu trên là mức tối thiểu người học cần đạt được. Danh mục các loại chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận tương ứng với yêu cầu CĐR về trình độ ngoại ngữ của từng CTĐT theo *Phụ lục 1*.

### **1.2. Thời hạn và tiêu chuẩn của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ**

- Đối với bằng đại học liên quan đến yếu tố nước ngoài: không có thời hạn và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và công nhận bằng văn bản.

- Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ: 24 tháng kể từ ngày được cấp.

- Trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CĐR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng Nghe - Đọc - Viết được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT, NAT-TEST, J-TEST (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp).

- Không công nhận CĐR đối với các chứng chỉ ngoại ngữ thi bằng hình thức thi trực tuyến.

- Chứng nhận ngoại ngữ VNU-TESTS được dùng để xác định CĐR ngoại ngữ nhưng không được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm tương đương.

### **1.3. Phương thức xác định chuẩn đầu ra ngoại ngữ**

#### **1.3.1. Thời gian thực hiện**

##### **a) Công nhận chuẩn đầu ra định kỳ:**

Trong toàn khóa học, định kỳ hàng tháng sinh viên nộp minh chứng xác định CĐR ngoại ngữ theo hướng dẫn của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên (ĐT&CTSV) để được hậu kiểm và công nhận đạt CĐR.

*b) Công nhận chuẩn đầu ra đầu khóa:*

- Sinh viên năm nhất thuộc các CTĐT bậc đại học nếu có chứng chỉ đáp ứng quy định tại Mục 1.1 phải nộp chứng chỉ về Phòng ĐT&CTSV trong thời gian 01 tháng kể từ ngày nhập học để được xem xét miễn học, miễn thi, quy đổi điểm tương đương cho học phần ngoại ngữ thuộc CTĐT và công nhận CĐR ngoại ngữ nếu đủ điều kiện.

- Sau thời hạn nêu trên, sinh viên sẽ chỉ được xem xét công nhận đạt CĐR ngoại ngữ, không được miễn học, miễn thi và không được quy đổi điểm.

**1.3.2. Quy trình thực hiện (xem quy trình chi tiết tại Phụ lục 3)**

- *Bước 1:* Hằng năm, Phòng ĐT&CTSV thông báo kế hoạch tiếp nhận đăng ký và công nhận CĐR ngoại ngữ theo từng tháng.

- *Bước 2:* Định kỳ đầu tháng, sinh viên đăng ký công nhận CĐR ngoại ngữ bằng hình thức trực tuyến theo thông báo và hướng dẫn của Phòng ĐT&CTSV. Từ tháng 01/2026, sinh viên sẽ đăng ký xác định CĐR ngoại ngữ qua hệ thống Hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính một cửa cho sinh viên của Trường KHLN&NT.

- *Bước 3:* Định kỳ cuối tháng, Phòng ĐT&CTSV thẩm định minh chứng và đề nghị Hiệu trưởng Trường KHLN&NT công nhận sinh viên đạt CĐR ngoại ngữ.

- *Bước 4:* Phòng ĐT&CTSV gửi Quyết định công nhận CĐR về các khoa đào tạo và thông báo cho sinh viên qua email sinh viên.

- Lưu ý: Với các trường hợp thẩm định không đủ điều kiện công nhận CĐR, Phòng ĐT&CTSV sẽ thông báo kết quả và lý do không công nhận kết quả qua email sinh viên để sinh viên biết thông tin và có phương án xử lý phù hợp.

## **2. MIỄN HỌC, MIỄN THI, CHUYỂN ĐỔI ĐIỂM TƯƠNG ĐƯƠNG VÀ GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ**

### **2.1. Đối tượng sinh viên được miễn học, miễn thi và chuyển đổi điểm tương đương ngoại ngữ**

- Sinh viên năm nhất nộp chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng CĐR theo yêu cầu của CTĐT trong vòng 30 ngày kể từ khi nhập học, được xét công nhận đạt CĐR và được miễn học, miễn thi và được chuyển đổi điểm tương đương của học phần ngoại tương ứng trong khối kiến thức chung, cụ thể: bậc 3 tương đương 9.0 điểm, bậc 4 tương đương 10.0 điểm (theo thang điểm 10).

- Sau thời gian trên và trong thời gian của khóa học, sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng CĐR theo yêu cầu của CTĐT chỉ được xét công nhận đạt CĐR (không được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm).

### **2.2. Sát hạch trình độ ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ**

#### **2.2.1. Sát hạch trình độ ngoại ngữ**

- Vào đầu khóa học, sinh viên các CTĐT đại học không thuộc diện miễn học, miễn thi phải tham gia thực hiện bài thi sát hạch trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường KHLN&NT để đăng ký học học phần ngoại ngữ phù hợp.

- Trong khóa học, tùy tình hình thực tế, Nhà trường sẽ tổ chức các đợt sát hạch ngoại

ngữ định kỳ với các sinh viên chưa đạt CĐR ngoại ngữ để xây dựng lộ trình nâng cao năng lực ngoại ngữ và đạt CĐR ngoại ngữ cho sinh viên phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

- Bài thi sát hạch trình độ ngoại ngữ là bài thi có thu phí, mức thu phí sẽ được thông báo cho sinh viên tại thời điểm tổ chức thi.

### **2.2.2. Tổ chức giảng dạy ngoại ngữ**

#### **a) Các quy định chung:**

- Các học phần ngoại ngữ trong CTĐT đại học là học phần bắt buộc đối với các sinh viên không thuộc diện miễn học, miễn thi ngoại ngữ và được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN. Kết quả đánh giá các học phần ngoại ngữ được tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần, điểm trung bình chung tích lũy.

- Số tín chỉ các học phần ngoại ngữ bắt buộc phải tích lũy trong các CTĐT đại học là 5 tín chỉ Ngoại ngữ B1 (dành cho CTĐT có CĐR bậc 3/6), 05 tín chỉ Ngoại ngữ B1 và 05 tín chỉ Ngoại ngữ B2 (dành cho CTĐT có CĐR bậc 4/6).

- Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN là đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mỗi biên soạn, thẩm định đề cương học phần ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong toàn ĐHQGHN.

- Trong 2 năm đầu của khóa học, sinh viên phải hoàn thành các học phần ngoại ngữ trong CTĐT để có thể sử dụng ngoại ngữ phục vụ học tập và nghiên cứu. Sinh viên không hoàn thành học phần Ngoại ngữ theo đúng tiến độ sẽ bị trừ điểm rèn luyện và không đủ điều kiện để xét học bổng tài trợ, học bổng khuyến khích học tập, các hình thức khen thưởng và danh hiệu (nếu có).

#### **b) Đăng kí học ngoại ngữ:**

- Tất cả sinh viên không thuộc diện miễn học, miễn thi đều phải đăng ký học ngoại ngữ theo kế hoạch giảng dạy của Trường. Danh sách các lớp ngoại ngữ được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa nguyện vọng học ngoại ngữ của sinh viên và kế hoạch tổ chức thời khóa biểu của phòng ĐT&CTSV, được thông báo cho sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ mới.

- Ngoài tiếng Anh, sinh viên được đăng ký học một trong số các ngoại ngữ khác là ngoại ngữ được quy định trong CTĐT. Trong trường hợp số lượng sinh viên đăng ký học ngoại ngữ khác không đủ số lượng mở lớp, sinh viên có thể đăng ký học sang tiếng Anh hoặc đăng ký học thứ tiếng đó tại đơn vị đào tạo khác trong ĐHQGHN (nếu có lớp).

- Để đảm bảo tiến độ và yêu cầu của ĐHQGHN, đến học kỳ thứ 3 của khóa học, 100% sinh viên phải đăng ký học các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong CTĐT (học kỳ thứ 4 là học kỳ dự phòng).

#### **c) Triển khai giảng dạy ngoại ngữ:**

Học phần ngoại ngữ tiếng Anh được tổ chức giảng dạy trực tuyến trên hệ thống đào tạo trực tuyến <https://lms.vnu.edu.vn/> của ĐHQGHN. Các học phần ngoại ngữ khác được giảng dạy trực tiếp.

### **2.3. Hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên**

Định kỳ hằng năm, căn cứ kết quả sát hạch trình độ ngoại ngữ và khảo sát nhu cầu của sinh viên, Phòng ĐT&CTSV phối hợp với các bộ phận chức năng liên quan nghiên

cứu và đề xuất các giải pháp hỗ trợ để sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ và đạt CĐR ngoại ngữ theo CTĐT.

### **3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **3.1. Trách nhiệm của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên**

- Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác xét miễn học, miễn thi, quy đổi điểm tương đương và công nhận CĐR ngoại ngữ cho sinh viên.

- Phối hợp với các Khoa đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN trong triển khai đăng ký học và tổ chức giảng dạy học phần Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung cho sinh viên.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai công tác sát hạch trình độ ngoại ngữ, các giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

- Đầu mối phối hợp với phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng đào tạo, các Khoa đào tạo trong hoạt động phân tích kết quả học tập ngoại ngữ, giám sát tiến độ hoàn thành các học phần ngoại ngữ chung của sinh viên.

- Phối hợp với các Khoa đào tạo và các đơn vị chức năng liên quan để xây dựng các giải pháp tạo lập môi trường học ngoại ngữ tích hợp trong hoạt động dạy học, hoạt động ngoại khóa và các giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ khác cho sinh viên.

#### **3.2. Trách nhiệm của các Khoa đào tạo**

- Chủ động thông tin đầy đủ đến sinh viên các quy định trong hướng dẫn này, đảm bảo sinh viên nắm rõ yêu cầu CĐR ngoại ngữ của CTĐT, điều kiện để được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm tương đương khi nộp chứng chỉ ngoại ngữ đúng quy định.

- Phối hợp với phòng ĐT&CTSV trong công tác quản lý hoạt động học tập ngoại ngữ của sinh viên theo quy định của Trường và giám sát tiến độ đạt CĐR ngoại ngữ của sinh viên.

- Chủ động đề xuất và triển khai các giải pháp tạo lập môi trường học ngoại ngữ tích hợp trong hoạt động dạy học, hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt chuyên môn cho sinh viên.

- Phối hợp với phòng ĐT&CTSV để thông báo và hướng dẫn sinh viên đăng ký công nhận CĐR ngoại ngữ theo hướng dẫn của Trường, tham gia kỳ thi sát hạch trình độ ngoại ngữ và các giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ nếu có.

#### **3.3. Trách nhiệm của các phòng chức năng có liên quan khác**

- *Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục:* Chủ động triển khai hoạt động phân tích kết quả học tập ngoại ngữ của sinh viên, phối hợp với phòng ĐT&CTSV giám sát tiến độ hoàn thành các học phần ngoại ngữ chung và tổ chức thi sát hạch trình độ ngoại ngữ cho sinh viên.

- *Phòng Tổ chức - Hành chính:* Phối hợp với phòng ĐT&CTSV trong rà soát và trang bị các điều kiện cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động tổ chức giảng dạy ngoại ngữ, giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ hoặc các mô hình sinh hoạt chuyên môn bằng ngoại ngữ khác tại Trường.

- *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Trường:* Chủ động xây dựng và phát

triển các mô hình Hội/Nhóm/Câu lạc bộ về ngoại ngữ, tạo môi trường học tập và rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên.

- *Trung tâm Hợp tác quốc tế và Đào tạo liên ngành*: Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với phòng ĐT&CTSV xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

#### **4. HIỆU LỰC THI HÀNH**

4.1. Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho sinh viên từ khóa QH-2022.

4.2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, hướng dẫn này được Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các Khoa (để th/hiện);
- Các Phòng chức năng (để th/hiện);
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, K(03).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hiệu**

## PHỤ LỤC 1:

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VỚI YÊU CẦU CHUẨN ĐẦU RA VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (\*)

(kèm theo Hướng dẫn số /HD-KHLNNT ngày / 11 /2025  
của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật)

#### 1. Tiếng Anh

- *CDR tối thiểu bậc 3 với các CTĐT:* Quản trị thương hiệu, Quản trị tài nguyên di sản, Quản lý giải trí và sự kiện, Quản trị đô thị thông minh và bền vững, Thiết kế sáng tạo, Nghệ thuật thị giác;

- *CDR tối thiểu bậc 4 với các CTĐT:* Kiến trúc và thiết kế cảnh quan, Công nghệ truyền thông.

| KNLNNVN | IELTS | TOEFL  | Aptis<br>ESOL | Cambridge Exam                                                                                                                                     | Vietnamese<br>Standardized<br>Test of English<br>Proficiency | VNU -<br>TESTS |
|---------|-------|--------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------|
| Bậc 3   | 4,5   | 42 iBT | B1            | A2 Key:140<br>B1 Preliminary: 140<br>B2 First: 140<br>B1 Business Preliminary:<br>140<br>B2 Business Vantage: 140                                  | VSTEP.3-5 (4.0)                                              | B1             |
| Bậc 4   | 5.5   | 72 iBT | B2            | B1 Preliminary: 160<br>B2 First: 160<br>C1 Advanced: 160<br>B1 Business Preliminary:<br>160<br>B2 Business Vantage: 160<br>C1 Business Higher: 160 | VSTEP.3-5 (6.0)                                              | B2             |
| Bậc 5   | 7.0   | 95 iBT | C1            | B2 First: 180<br>C1 Advanced: 180<br>C2 Proficiency: 180<br>B2 Business Vantage: 180<br>C1 Business Higher: 180                                    | VSTEP.3-5 (8.5)                                              | C1             |

#### 2. Tiếng Pháp – Tiếng Trung

- *CDR tối thiểu bậc 3 với các CTĐT:* Quản trị thương hiệu, Quản trị tài nguyên di sản, Quản lý giải trí và sự kiện, Quản trị đô thị thông minh và bền vững, Thiết kế sáng tạo, Nghệ thuật thị giác;

- *CDR tối thiểu bậc 4 với các CTĐT:* Kiến trúc và thiết kế cảnh quan.

##### 2.1 Tiếng Pháp

| KLNNVN | DELFDALF | TCF   | VNU - TESTS |
|--------|----------|-------|-------------|
| Bậc 3  | DELFB1   | TCFB1 | B1          |
| Bậc 4  | DELFB2   | TCFB2 | B2          |

|       |         |        |    |
|-------|---------|--------|----|
| Bậc 5 | DALF C1 | TCF C1 | C1 |
|-------|---------|--------|----|

## 2.2 Tiếng Trung

| KNLNNVN | HSK                         | VNU - TESTS |
|---------|-----------------------------|-------------|
| Bậc 3   | HSK bậc 3 và HSKK sơ cấp    | B1          |
| Bậc 4   | HSK bậc 4 và HSKK trung cấp | B2          |
| Bậc 5   | HSK bậc 5 và HSKK cao cấp   | C1          |

## 3. Các ngoại ngữ khác

*CDR tối thiểu bậc 3 với CTĐT: Thiết kế sáng tạo.*

### 3.1 Tiếng Đức:

| KNLNNVN | Goethe-Zertifikat | TELC Deutsch | DSD                                                | ÖSD - Zertifikat | TestDaF | ECL | VNU - TESTS |
|---------|-------------------|--------------|----------------------------------------------------|------------------|---------|-----|-------------|
| Bậc 3   | B1                | B1           | I                                                  | B1               | TDN3    | B1  | B1          |
| Bậc 4   | B2                | B2           | II (Viết/nói: 8-11 điểm;<br>Nghe/đọc: 11-13 điểm)  | B2               | TSN4    | B2  | B2          |
| Bậc 5   | C1                | C1           | II (Viết/nói: 12-24 điểm;<br>Nghe/đọc: 14-24 điểm) | C1               | TDN5    | C1  | C1          |

### 3.2 Tiếng Nhật

| KNLNNVN | JLPT | NAT-TEST | J-TEST | VNU - TESTS |
|---------|------|----------|--------|-------------|
| Bậc 3   | N3   | 3Q       | 500    | B1          |
| Bậc 4   | N2   | 2Q       | 600    | B2          |
| Bậc 5   | N1   | 1Q       | 700    | C1          |

### 3.3 Tiếng Hàn

| Khung NLNNVN | TOPIK      | VNU - TESTS |
|--------------|------------|-------------|
| Bậc 3        | TT (bậc 3) | B1          |
| Bậc 4        | TT (bậc 4) | B2          |
| Bậc 5        | TT (bậc 5) | C1          |

(\*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CĐR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng Nghe - Đọc - Viết được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT, NAT-TEST, J-TEST (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp).



## **PHỤ LỤC 2:**

### **DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM (\*)**

*(kèm theo Hướng dẫn số /HD-KHLNNT ngày / 11 /2025  
của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật)*

1. Đại học Thái Nguyên
2. Học viện An ninh Nhân dân
3. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Học viện Cảnh sát nhân dân
5. Học viện Khoa học quân sự
6. Đại học Bách khoa Hà Nội
7. Trường Đại học Cần Thơ
8. Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP HCM
9. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM
10. Trường Đại học Hà Nội
11. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP HCM
12. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
13. Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
14. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
15. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
16. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
17. Trường Đại học Ngoại thương
18. Trường Đại học Nam Cần Thơ
19. Trường Đại học Quy Nhơn
20. Trường Đại học Sài Gòn
21. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
22. Trường Đại học Sư phạm TP HCM
23. Trường Đại học Tây Nguyên
24. Trường Đại học Thương mại
25. Trường Đại học Trà Vinh
26. Trường Đại học Văn Lang
27. Trường Đại học Vinh

*(\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

**PHỤ LỤC 3:**  
**QUY TRÌNH**  
**Về việc tiếp nhận, hậu kiểm và ra quyết định công nhận**  
**chuẩn đầu ra về ngoại ngữ**

*(kèm theo Hướng dẫn số /HD-KHLNNT ngày /11/2025  
của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật)*

**1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

**1.1. Mục đích:**

Quy trình này quy định về trình tự, thủ tục tiếp nhận, hậu kiểm và ra quyết định công nhận chuẩn đầu ra về ngoại ngữ cho sinh viên Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**1.2. Phạm vi áp dụng:**

Áp dụng đối với sinh viên thuộc các chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật và các cá nhân, đơn vị có liên quan trực tiếp đến quá trình xét duyệt.

**2. TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

ĐHQGHN: Đại học Quốc gia Hà Nội

KHLN&NT: Khoa học liên ngành và Nghệ thuật

P.ĐT&CTSV: Phòng Đào tạo và Công tác Sinh viên

SV: Sinh viên

CĐR: Chuẩn đầu ra

QĐ: Quyết định

CCNN: Chứng chỉ ngoại ngữ

BB: Biên bản

### 3. NỘI DUNG

| Bước | Lưu đồ công việc       | Nội dung thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Người chịu trách nhiệm                                     | Hồ sơ/Biểu mẫu                |
|------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1    | Tiếp nhận hồ sơ        | - SV nộp minh chứng CCNN hợp lệ thông qua link đăng ký trực tuyến:<br><a href="https://forms.gle/DNMVze5YxnSjs3nf7">https://forms.gle/DNMVze5YxnSjs3nf7</a> -<br>Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần.                                                                                               | Chuyên viên phụ trách                                      | Danh sách, dữ liệu đăng ký    |
| 2    | Phân loại và Thẩm định | - Tiếp nhận và phân loại minh chứng thành 02 nhóm:<br>- Nhóm 1: Chứng chỉ hậu kiểm online.<br>- Nhóm 2: Chứng chỉ cần gửi công văn hậu kiểm.<br>- Tiến hành thẩm định:<br>- Nhóm 1: Hoàn thành trong vòng 02 tuần làm việc.<br>- Nhóm 2: Hoàn thành trong vòng 03 tuần làm việc (do phải gửi công văn). | Chuyên viên phụ trách                                      | File minh chứng CCNN          |
| 3    | Lập biên bản hậu kiểm  | - Sau khi hoàn tất thẩm định, Chuyên viên lập Biên bản hậu kiểm CCNN.<br>- Biên bản trình Trưởng/Phó phòng xác nhận.                                                                                                                                                                                    | Chuyên viên phụ trách<br>Lãnh đạo P.ĐT&CTSV                | BM01.CĐR<br>_BB hậu kiểm      |
| 4    | Ra quyết định          | - Căn cứ vào Biên bản hậu kiểm đã được xác nhận, Chuyên viên soạn thảo Quyết định công nhận đạt CĐR ngoại ngữ.<br>- Lãnh đạo Phòng ĐT&CTSV kiểm tra và trình hồ sơ (Biên bản hậu kiểm, Quyết định) lên Hiệu trưởng.<br>- Hiệu trưởng ký phê duyệt Quyết định.                                           | Chuyên viên phụ trách<br>Lãnh đạo P.ĐT&CTSV<br>Hiệu Trưởng | BM02.CĐR<br>_QĐ công nhận CĐR |
| 5    | Thông báo & Lưu trữ    | - Cập nhật kết quả cho sinh viên.<br>- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ (bản cứng và bản mềm) theo quy định.                                                                                                                                                                                                       | Chuyên viên phụ trách                                      |                               |

#### Diễn giải lưu đồ:

##### Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

- Sinh viên nộp minh chứng CCNN hợp lệ theo quy định thông qua link đăng ký: <https://forms.gle/B4Ab4RLUm2yUF5SbA> (Từ tháng 01/2026, sinh viên sẽ đăng ký xác định CĐR ngoại ngữ qua hệ thống Hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính một cửa cho sinh viên của Trường KHLN&NT).

##### Bước 2: Phân loại và thẩm định

## 2.1 Phân loại

- Phòng ĐT&CTSV phân loại minh chứng thành 2 nhóm:

+ **Nhóm 1:** Chứng chỉ hậu kiểm online qua các địa chỉ tra cứu kết quả do đơn vị cấp chứng chỉ cung cấp.

+ **Nhóm 2:** Chứng chỉ cần gửi trực tiếp đến đơn vị cấp chứng chỉ để hậu kiểm.

## 2.2 Xử lý và thẩm định

### \* Đối với Nhóm 1:

- Hoàn thành thẩm định trong vòng **02 tuần làm việc**.

- Truy cập các kênh hậu kiểm được thẩm định:

+ Các chứng chỉ do IDP Education, British Council, Cambridge English cấp:

<https://results-service.ielts.org/>

+ Các chứng chỉ Tiếng Trung (HSK):

<https://old.chinesetest.cn/ChangeLan.do?langue=en>

+ Các chứng chỉ do Học viện Báo chí Tuyên truyền cấp:

<https://ttthnn.daotaoajc.edu.vn/ket-qua-thi.html>

+ Các chứng chỉ do Đại học Bách khoa Hà Nội cấp:

<https://ctt-sis.hust.edu.vn/pub/SearchCertificate.aspx>

+ Các chứng chỉ do Trường Đại học Hà Nội cấp:

<https://tec.hanu.vn/c/9103/Ket-qua-thi>

+ Các chứng chỉ do Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp:

<https://vstep.vnu.edu.vn/ocv/> (chứng chỉ VSSTEP),

<https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests> (chứng nhận VNU-TESTS)

### \* Đối với Nhóm 2:

- Hoàn thành thẩm định trong vòng **03 tuần làm việc**.

- Phòng ĐT&CTSV gửi công văn đến Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN (đối với các CCNN không thông dụng và không có văn phòng đại diện tại Việt Nam) hoặc đơn vị cấp chứng chỉ không có xác thực online để hậu kiểm.

### \* Lưu minh chứng:

- Chuyên viên phụ trách lưu minh chứng hậu kiểm nhóm 1 và nhóm 2 vào 01 folder, ghi rõ lớp, mssv, họ tên của chứng chỉ đã được hậu kiểm.

Ví dụ: 21DS-21090000-NGUYEN LAN ANH

### Bước 3: Lập biên bản hậu kiểm

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan.

- Tiến hành kiểm tra, đối chiếu xác minh tính khách quan và trung thực các chứng chỉ đã được hậu kiểm.

- Tổng hợp kết quả và lập biên bản hậu kiểm.

### Bước 4: Ra quyết định

- Căn cứ vào Biên bản hậu kiểm đã được xác nhận, chuyên viên soạn thảo Quyết định công nhận đạt CĐR ngoại ngữ.

- Lãnh đạo Phòng ĐT&CTSV kiểm tra và trình hồ sơ (Biên bản hậu kiểm, Quyết định) lên Hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng ký phê duyệt Quyết định.

#### **Bước 5: Thông báo**

- Phòng ĐT&CTSV thông báo kết quả hậu kiểm theo từng đợt cho các Khoa đào tạo và SV (kèm lý do với các SV có kết quả không đạt).

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ (bản cứng và bản mềm) theo quy định.

---

#### **Lưu ý quan trọng:**

- Không công nhận CĐR đối với các chứng chỉ ngoại ngữ thi bằng hình thức thi trực tuyến.

- Chứng nhận ngoại ngữ VNU-TESTS được dùng để xác định CĐR ngoại ngữ nhưng không được miễn học, miễn thi và quy đổi điểm tương đương.

**BIÊN BẢN HẬU KIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ**

1. Thời gian thực hiện: ngày.....tháng.....năm 202.....

2. Thành phần:

- Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên;
- Chuyên viên phòng Đào tạo và Công tác sinh viên;
- Chuyên viên phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

3. Nội dung

3.1. Tiến hành hậu kiểm chứng chỉ ngoại ngữ của ..... (bằng chữ:.....) sinh viên đại học các chương trình đào tạo chuẩn, trong đó:

- Tiếng Anh:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)
- Tiếng Pháp:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)
- Tiếng Trung:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)
- Tiếng Đức:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)
- Tiếng Nhật:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)
- Tiếng Hàn:..... (có danh sách cụ thể kèm theo)

3.2. Kết quả hậu kiểm:

- Số chứng chỉ đủ điều kiện công nhận CĐR: .....(bằng chữ:.....)
- Số chứng chỉ không đủ điều kiện công nhận CĐR:..... (bằng chữ:.....)

3.3. Minh chứng của việc hậu kiểm được lưu dạng số trên Google Drive của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên tại đường link: .....

**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG**

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

**BM02.CĐR\_Quyết định công nhận CĐR ngoại ngữ**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH  
VÀ NGHỆ THUẬT

Số: /QĐ-KHLNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG KHOA HỌC LIÊN NGÀNH VÀ NGHỆ THUẬT**

*Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/02/2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Tổ chức và hoạt động của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật;*

*Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 1011/HD-ĐHQGHN ngày 23/03/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Hướng dẫn số /HD-KHLNNT ngày / /2025 của Hiệu trưởng Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật về việc thực hiện xác định chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ và tổ chức giảng dạy học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật;*

*Căn cứ Biên bản hậu kiểm chứng chỉ ngoại ngữ của sinh viên lập ngày / /202 ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ đại học cho .....  
(bằng chữ:.....) sinh viên thuộc chương trình đào tạo các ngành:

*(danh sách tại Phụ lục 1 kèm theo).*

**Điều 2.** Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng các Khoa có sinh viên và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, K(03)

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Hiệu**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
(kèm theo Quyết định số        /QĐ-KHLNNT ngày        tháng        năm 202 của Hiệu trưởng Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật)

(kèm theo Quyết định số /QĐ-KHLNNT ngày tháng năm 202 của Hiệu trưởng Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật)

[illegible]